

Bản án số: 255/2024/DS-PT
Ngày: 07/6/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi*”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây
Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà
Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử
công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 129/2024/TLPT-DS, ngày 04 tháng 5
năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024,
của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2024/QĐ-PT ngày
16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện
T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện T,
tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đinh Kim T, sinh năm 1969,
cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà **D**, ông **T**: Chị Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D là nguyên đơn; ông Đinh Kim T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 01/02/2022 (âm lịch), bà và bà Nguyễn Thị D tham gia chung 01 phần hụi trong dây hụi 20.000.000 đồng/tháng do bà làm chủ hụi, gồm 15 phần, kết thúc ngày 01/5/2023 (âm lịch). Dây hụi thỏa thuận tiền hoa hồng cho chủ hụi là 10.000.000 đồng/kỳ, thời gian mở hụi ngày 01 âm lịch hàng tháng, hình thức bỏ thăm trực tiếp tại nhà bà L, ngày 05 âm lịch hàng tháng giao tiền lĩnh hụi. Bà có lập danh sách hụi giao cho các hụi viên và bà D. Bà D quyết định thời gian, số tiền bỏ thăm lĩnh hụi, hàng tháng mỗi người trả 50% số tiền hụi và được nhận 50% số tiền lĩnh hụi. Các bên thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản.

Ngày 01/6/2022 (âm lịch), bà D bỏ thăm 5.700.000 đồng, hụi viên đóng 223.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 10.000.000 đồng, lĩnh hụi số tiền 213.000.000 đồng. Bà và bà D mỗi người được nhận 106.500.000 đồng, đã giao cho bà D đủ số tiền này. Bà D có viết “Giấy biên nhận tiền hụi” ngày 05/7/2022, nội dung thừa nhận nợ bà 100.000.000 đồng tiền hụi, cam kết đóng 10.000.000 đồng/tháng thời gian 10 tháng.

Tuy nhiên bà D đóng được 02 kỳ hụi số tiền 20.000.000 đồng thì ngưng. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị D, ông Đinh Kim T có nghĩa vụ trả số tiền hụi 80.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 01%/tháng từ ngày 05/7/2022 đến khi kết thúc vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà thừa nhận việc tham gia chung 01 phần hụi trong dây hụi 20.000.000 đồng với bà Nguyễn Thị L. Tuy nhiên dây hụi gồm 13 phần, không phải 15 phần như bà L trình bày. Các bên thỏa thuận bằng lời nói không lập thành văn bản việc tham gia chung. Việc thỏa thuận đóng hụi, thời gian, số tiền lĩnh hụi như bà L trình bày là đúng. Bà và bà L lĩnh hụi kỳ thứ 5 ngày 05/7/2022, bỏ thăm 5.700.000 đồng, mỗi người nhận số tiền lĩnh hụi 106.500.000 đồng. Bà đã nhận đủ tiền và có viết giấy tay mượn nợ tiền hụi với bà L, thanh toán mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng sơ xuất nên bà ghi thời gian trả 10 tháng. Thực tế còn phải đóng 08 kỳ hụi, không phải 10 kỳ như trên giấy nợ thể hiện. Bà thừa nhận chữ viết, chữ ký và dấu vân tay trên giấy nợ do bà viết, ký tên và lấn tay. Sau khi lĩnh hụi, bà đã đóng hụi cho

bà L đủ 13 kỳ hạn đến khi kết thúc, không còn nợ số tiền nào. Việc đóng hạn hàng tháng các bên trực tiếp thực hiện, không lập thành văn bản.

Bà L yêu cầu bà và ông Đinh Kim T cùng có nghĩa vụ trả số tiền hạn 80.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 01%/tháng từ ngày 05/7/2022 đến khi kết thúc vụ án, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Kim T trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị D1, ông không biết thỏa thuận hạn và không tham gia quá trình đóng hạn, lĩnh hạn giữa bà D1 với bà Nguyễn Thị L. Ông không đồng ý trả cho bà L số tiền hạn 80.000.000 đồng và tiền lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Nguyễn Thị D, ông Đinh Kim T trả số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi 17.000.000 đồng, tổng cộng 97.000.000 đồng. Bà D không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L và yêu cầu trưng cầu giám định âm thanh; ông T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại bản án số 15/2024/DS-ST ngày 21/3/2024 của TAND huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị D, ông Đinh Kim T về việc “Tranh chấp về hợp đồng góp hạn”.

Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Đinh Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền hạn 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, tiền lãi 11.200.000 (mười một triệu hai trăm nghìn) đồng, tổng cộng 91.200.000 (chín mươi một triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D, ông Đinh Kim T có nghĩa vụ trả tiền lãi số tiền 5.800.000 (năm triệu tám trăm nghìn) đồng.

Ngày 03/4/2024 bà Nguyễn Thị D kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 03/4/2024 ông Đinh Kim T kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề

ng nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D thấy rằng:

Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận thỏa thuận bằng lời nói việc tham gia chung một phần hụi trong dây hụi 20.000.000 đồng, hàng tháng mỗi người có nghĩa vụ góp 50% tiền hụi và được hưởng 50% số tiền lĩnh hụi. Các bên lĩnh hụi kỳ thứ 5 ngày 05/7/2022, mức lãi trong kỳ mở hụi là 5.700.000 đồng, số tiền lĩnh hụi mỗi người được nhận là 106.500.000 đồng.

Bà L cung cấp “giấy tay mượn nợ tiền” ghi ngày 05/7/2022 thể hiện nội dung bà D thừa nhận nợ bà L số tiền hụi 100.000.000 đồng, thỏa thuận trả 10.000.000 đồng/tháng, thời gian 10 tháng tương đương 10 kỳ hụi. Bà D thừa nhận chữ viết, chữ ký và dấu vân tay trên giấy nợ là của bà D. Như vậy có đủ căn cứ xác định dây hụi tranh chấp có 15 phần, sau khi lĩnh hụi các bên phải đóng 10 kỳ hụi số tiền 100.000.000 đồng. Lời trình bày của bà L phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án, bà D trình bày đã trả xong tiền nợ hụi cho bà L chỉ còn nợ 02 kỳ là 20.000.000 đồng nhưng bà D không có chứng cứ chứng minh.

Thành viên có nghĩa vụ góp hụi đầy đủ theo thỏa thuận nhưng đến khi kết thúc hụi. Tuy nhiên bà D không góp 08 kỳ hụi từ ngày 05/10/2022 đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên hụi quy định tại Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP

ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Căn cứ các điều 18, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, cấp sơ thẩm buộc bà D có nghĩa vụ trả số tiền 80.000.000 đồng mà chủ hộ bà L đã góp thay bà D là có cơ sở chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Kim T thấy rằng:

Ông T và bà D là vợ chồng và đang chung sống với nhau. Mục đích bà D lĩnh hội để buôn bán quần áo tạo thu nhập trong gia đình. Một bên vợ hoặc chồng không tham gia giao dịch mà vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới chỉ trong trường hợp quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy hợp đồng góp hội giữa bà L với bà D thuộc trường hợp “nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình” quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà L yêu cầu ông Đinh Kim T có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà D là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, ông Đinh Kim T.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, ông Đinh Kim T.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các điều 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự; các điều 16, 18, 22, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, phường; các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị D, ông Đinh Kim T về việc “*Tranh chấp về hợp đồng góp hội*”.

Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Đinh Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền hội 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, tiền lãi 11.200.000 (mười một triệu hai trăm nghìn) đồng, tổng cộng 91.200.000 (chín mươi một triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D, ông Đinh Kim T có nghĩa vụ trả tiền lãi số tiền 5.800.000 (năm triệu tám trăm nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D, ông Đinh Kim T phải chịu 4.560.000 (bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng bà L đã nộp theo biên lai thu số 0004417 ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền chênh lệch 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0004905 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận bà D đã nộp xong.

Ông Đinh Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0004906 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận ông T đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện Tân Biên;
- CCTHADS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án; Lưu VP.

Đã ký

Dương Thúy Hằng